

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04-12-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

2. Bà Trần Thị Năm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1996; Địa chỉ: A, Ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2023, nguyên đơn Trần Thị Thanh T trình bày tóm tắt như sau: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2015, số 80/2015. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh A, sinh ngày 03/12/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Từ năm 2018, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa

án giải quyết cho ly hôn với anh **Q**. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh **Nguyễn Văn Q** thể hiện yêu cầu ly hôn của chị **T** cũng như nội dung liên quan đến quyền nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng anh **Q** không hợp tác, không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của chị **T**.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn là anh **Nguyễn Văn Q** không tham gia phiên họp, không tham gia phiên hòa giải. Nguyên đơn là chị **Trần Thị Thanh T** có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Chị **T** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **Q** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vắng vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Chị **Trần Thị Thanh T** và anh **Nguyễn Văn Q** kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **Đ**, thành phố **M**, tỉnh **Tiền Giang** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2015, số 80/2015, nên quan hệ hôn nhân của chị **T** và anh **Q** là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị **T** thấy rằng: Chị **T** xác định vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, nên cả hai đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay, nên mới khởi kiện xin ly hôn với anh **Q**. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh **Nguyễn Văn Q** thể hiện yêu cầu ly hôn của chị **T** cũng như nội dung liên quan đến quyền nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng anh **Q** không hợp tác, không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của chị **T**. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T** đối với anh **Q**.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Chị **T** xác định từ năm 2018, khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, thì chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Ngọc Khánh A**, sinh ngày 03/12/2015. Cháu **Khánh A** có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị **T**. Do anh **Q** không hợp tác, không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu nuôi con chung của chị **T**, nên để đảm bảo tính ổn định, phát triển bình

thường của cháu **Khánh A**, Hội đồng xét xử quyết định cho chị **T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn **Trần Thị Thanh T** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn **Nguyễn Văn Q** không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chị **Trần Thị Thanh T** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Q**.
2. Về quyền nuôi con chung: Chị **Trần Thị Thanh T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Ngọc Khánh A**, sinh ngày 03/12/2015.
3. Anh **Nguyễn Văn Q** có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh **Q** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **T** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **Q** theo quy định của pháp luật. Chị **T** cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh **Q**.
4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị **T**, anh **Q**, người thân thích của cháu **Khánh A**, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Trần Thị Thanh T** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị **T** đã

nộp theo biên lai thu số 0001901 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành án phí, nên chị **T** không phải nộp tiếp. Anh **Q** không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- UBND xã Đạo Thạnh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Trần Văn Khánh**